UED Journal of Sciences, Humanities & Education – ISSN 1859 - 4603

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

"INFANT-DIRECTED SPEECH" VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ EM

Lê Thị Thanh Nhàn

Nhận bài:
20 – 01 – 2015
Chấp nhận đăng:
25 – 03 – 2015
http://jshe.ued.udn.vn/

Tóm tắt: Ở Việt Nam hiện nay, vẫn còn khá nhiều ý kiến trái chiều về tác động của dạng thức ngôn ngữ phi chuẩn "Infant-directed speech" đối với tiến trình thụ đắc ngôn ngữ của trẻ do thiếu hụt các nghiên cứu đánh giá cụ thể. Nhằm cung cấp cho các nhà giáo dục và người nuôi dưỡng trẻ có những định hướng ban đầu trong việc nhìn nhận vai trò của ngôn ngữ phi chuẩn trong giao tiếp với trẻ em, bài viết tổng hợp một số kết quả nghiên cứu ở nước ngoài về "Infant-directed speech", qua đó soi chiếu vào tiếng Việt để xác định các hướng tiếp cận cơ bản nhằm đánh giá chính xác ý nghĩa của dạng thức ngôn ngữ này đối với sự phát triển của trẻ, góp phần cung cấp cứ liệu khoa học cho việc xây dựng các nội dung, biện pháp giáo dục ngôn ngữ cho trẻ em.

Từ khóa: Infant-directed speech (IDS); trẻ em; ngôn ngữ phi chuẩn; vai trò; phát triển ngôn ngữ.

1. Đặt vấn đề

Là phương tiện giao tiếp trọng yếu nhất, thành tố cơ bản nhất về mặt nội dung lẫn cấu trúc của tâm lí người, ngôn ngữ có vai trò và giá trị như một loại *giấy thông hành* để một cá nhân thực sự trở thành thành viên của xã hội. Không có ngôn ngữ, con người không thể tiếp xúc và chia sẻ các giá trị văn hoá, không thể khái quát và lưu giữ kết quả nhận thức,… Nói cách khác, nếu không có ngôn ngữ, người ta sẽ không thể sống đời sống của một con người đích thực.

Với trẻ em - những sinh thể bé nhỏ, yếu ớt, phụ thuộc - thì ngôn ngữ càng có một ý nghĩa to lớn hơn. Không chỉ là phương tiện thiết yếu để trẻ tham gia vào đời sống xã hội, ngôn ngữ trước hết còn là *phương thức tồn tại* của trẻ. Trẻ sử dụng ngôn ngữ như là một công cụ hữu hiệu và cần thiết để bày tỏ nguyện vọng, mong muốn, để giải thích, yêu cầu, đòi hỏi,… nhằm giúp cho người nuôi dưỡng có thể nhận hiểu chính xác các vấn đề của trẻ, từ đó thực hiện công việc chăm sóc, giáo dục một cách thích hợp và hiệu quả. Vậy nên, đúng như P.Ia. Galperin nhận định: đối với trẻ mầm non, việc học tiếng mẹ đẻ luôn phải được nhận thức *"là sự học tập quan trọng nhất, cần thiết nhất, bắt đầu sớm nhất và cần được quan tâm nhất"*.

*** Liên hệ tác giả**
Lê Thị Thanh Nhàn
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
Email: nhanltthanh@yahoo.com.vn
Điện thoại: 0905303533

Theo tinh thần đó, ở Việt Nam, trong chương trình Giáo dục Mầm non hiện hành, nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ đã được quan tâm chú trọng. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai, do thiếu hụt các nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ trẻ em, đặc biệt là những nghiên cứu theo hướng thực nghiệm đánh giá các nhân tố tác động đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, cho nên các chỉ dẫn giáo dục dành cho trẻ phần lớn đều mang tính quan niệm. Trong tình hình đó, bài viết này hướng đến tổng hợp, phân tích một số kết quả nghiên cứu ở nước ngoài về hoạt động ngôn ngữ trong giao tiếp với trẻ em, cụ thể là việc sử dụng dạng thức ngôn ngữ phi chuẩn mực Infant directed speech - biểu hiện và các tác động của nó đối với tiến trình thụ đắc ngôn ngữ của trẻ - từ đó soi chiếu vào tiếng Việt để hoạch định các hướng nghiên cứu cần thiết nhằm xác thực tính chất và mức độ của các yếu tố ảnh hưởng đến sự lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ, làm cơ sở cho việc đề xuất các phương cách tác động góp phần thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Khái lược về Infant-directed speech – những đặc trưng cơ bản

Thuật ngữ Infant-directed speech (IDS), còn có tên khác là *child-directed speech, caretaker speech, baby talk*, hay thân mật hơn là *motherese, parentese*, được dùng để chỉ dạng thức ngôn ngữ do người lớn sử dụng trong giao tiếp với trẻ em mang các đặc trưng riêng biệt

khác với ngôn ngữ dùng cho người lớn (adult-directed speech). Về cơ bản, IDS được nhận diện trước hết bởi đặc tính phi chuẩn mực của nó ở tất cả mọi bình diện của cấu trúc ngôn ngữ.

Theo mô tả của Huei – Mei Liu thì về góc độ ngữ âm, IDS được dễ dàng nhận biết bởi tính uyển chuyển, giàu nhạc điệu, sự chậm lại khi phát âm cũng như sự phóng đại các yếu tố khác của ngữ điệu để tăng tính biểu cảm [1, tr. 912]. Nói chung, cốt lõi của những biến điệu về mặt âm vị học của IDS chính là sự nhấn mạnh, cường điệu các phẩm chất vật lí của âm thanh như cao độ (đẩy giọng lên hơn mức bình thường), trường độ (kéo dài nguyên âm), sự tăng cường độ vuốt khi phát âm nhằm làm cho lời nói thêm rõ ràng và đạt hiệu quả cao trong chuyển tải cảm xúc.

Về phương diện từ vựng, điểm nổi bật của IDS chính là sự rút gọn và đơn giản hóa hệ thống từ ngữ trong giao tiếp với trẻ. Việc này có thể được thực hiện cả trên phương diện ngữ âm lẫn hình thái học với nhiều cơ chế đa dạng như: thiết lập từ mới bằng cách đồng hóa hoặc láy (ví dụ: *wawa* thay cho *water*, *baba* thay cho *bottle*, *beddy-bye* thay cho *bedtime*,…); thêm vĩ tố để biến đổi âm tiết sau hoặc tạo âm tiết mới (ví dụ: *kitten* thành *kitty*, *dog* thành *doggy*, *Nick* thành *Nicky,…*); thay thế phụ âm đầu của âm tiết thành một bán âm /w/ (như *binkie* thành *winkie*,…). Ngoài ra, việc đặt tên mới cho một số đối tượng gần gũi trong đời sống của trẻ vốn có tên gọi phức tạp, khó hiểu, khó phát âm (như *nana* thay cho *grandmother*, *gee gee* thay cho *horse*, *choo choo* thay cho *train*…), hoặc cho những đối tượng thuộc vào nhóm "cấm kị", không tiện gọi tên trực tiếp như từ chỉ các chức năng bài tiết của cơ thể, cơ quan sinh dục ngoài (*sissy* / *wee wee* thay cho *urination* (tiểu tiện), *poo poo*, *poopie* thay cho *defecation* (đại tiện)…) cũng là biểu hiện quan trọng của IDS ở góc độ từ vựng.

Về đặc trưng cú pháp, IDS thể hiện trước hết ở việc giản lược các từ phụ như giới từ, mạo từ để đơn giản hóa phát ngôn; sử dụng lời nói ngắn thay vì câu có cấu trúc đầy đủ khi giao tiếp với trẻ. Bên cạnh đó, IDS còn dùng cách mô tả hoặc sử dụng tên riêng thay cho các đại từ như là một phương thức làm giảm nhẹ tính phức tạp của các quy tắc ngữ pháp. Các câu nói vô nghĩa cũng được người lớn sử dụng làm phương tiện để thực hiện tương tác với trẻ em, còn từ ngữ và cấu trúc câu thì thường được lặp đi lặp lại nhằm giúp tăng cường khả năng hiểu ngôn ngữ của trẻ và khuyến khích trẻ tham gia vào giao tiếp [2, tr. 209].

Các biểu hiện mô tả trên tạo cho IDS có một diện mạo riêng dễ dàng nhận biết trong hoạt động giao tiếp với trẻ. Tuy nhiên, bản chất của dạng thức ngôn ngữ này không chỉ đơn thuần là sự cường điệu các phẩm chất vật lí của âm thanh, sự đơn giản hoá từ vựng và cú pháp. Quan trọng hơn, việc sử dụng IDS còn luôn được kết hợp chặt chẽ với các di chuyển cơ thể mang tính thị giác hỗ trợ cho việc truyền đạt ý nghĩa của ngôn ngữ đến với trẻ. Và một trong những phương diện thị giác có ý nghĩa to lớn đối với sự nhận hiểu lời nói của trẻ chính là sự di chuyển môi. Khi sử dụng IDS, miệng luôn được mở rộng hơn so với khi phát âm bình thường. Đó được xem như là một phương cách hữu hiệu để truyền thông điệp đến với trẻ. Ngoài ra, các cử động của đầu cũng được dùng để nhấn mạnh các âm tiết khác nhau, kết hợp với các dấu hiệu khác nhằm giúp trẻ phân biệt tốt hơn lời nói [3, tr. 1535].

Nhìn chung, những biểu hiện của IDS được miêu tả từ ngữ liệu thuộc các loại hình ngôn ngữ khác nhau là tương đối đồng nhất. Thêm vào đó, IDS, với những đặc trưng kể trên, đã được tìm thấy ở rất nhiều ngôn ngữ. Đây chính là lí do khiến cho nhiều người nghĩ đến tính phổ quát của dạng thức ngôn ngữ này, thậm chí có nhà nghiên cứu (như Gregory A. Bryant, H.Clark Barett, 2007) đã khẳng định IDS là một sự thích nghi theo tính loài và nó tồn tại rộng rãi trong các nền văn hoá [4, tr. 746].

2.2. Tác động của IDS đối với sự phát triển ngôn ngữ trẻ em

Mặc dù vẫn cần có thêm nhiều bằng chứng cũng như sự phân tích cẩn trọng để đi đến kết luận về tính phổ quát của IDS, tuy nhiên, tần suất có mặt của nó trong nhiều ngôn ngữ, nhiều nền văn hóa khác nhau đã khiến cho IDS trở thành đối tượng nghiên cứu khá cơ bản của lĩnh vực ngôn ngữ trẻ em. Và một trong những mối quan tâm hàng đầu của các nhà khoa học chính là vấn đề: IDS hỗ trợ hay ngăn cản tiến trình thụ đắc ngôn ngữ của trẻ?

Trong các công trình của Paul Matychuk (2005), Janet F. Werker (2007), Leher Singh (2009), Jordan R. Green (2010),… cũng như nhiều nghiên cứu khác, cơ bản, IDS được nhận định là có tác động tích cực đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em.

Jordan R. Green và nhóm cộng sự cho rằng, trẻ em bắt đầu quá trình thụ đắc và phát triển ngôn ngữ thông qua IDS. Do các thuộc tính âm học của ngôn ngữ trong IDS được khuếch đại, IDS tỏ ra hiệu quả hơn ngôn ngữ thông thường trong việc thu hút sự chú ý của trẻ. Đồng thời, tính biểu cảm của IDS trên cả hai phương diện lời nói lẫn nét mặt, ánh mắt,… cũng là nhân tố làm cho trẻ hứng thú với loại ngôn ngữ này hơn. IDS như là một chiếc cầu kết nối cảm xúc tích cực giữa người nuôi dưỡng và trẻ. Khi người lớn sử dụng IDS với cách nói

"theo kiểu trẻ con" tức là đã chuyển đạt đến trẻ thông điệp về sự thừa nhận đối với ngôn ngữ của trẻ. Từ đó, trẻ tiếp nhận IDS với ý nghĩa là tín hiệu của sự ủng hộ, quan tâm. Điều này tạo nên ở trẻ cảm giác an toàn, được động viên, khích lệ. Và hiệu quả rõ ràng là, một khi trẻ nhận được sự thừa nhận và khích lệ từ những gì chúng nói, trẻ sẽ hào hứng, tích cực hơn trong giao tiếp với người lớn, từ đó, việc học nói của trẻ sẽ được đẩy nhanh hơn [5, tr. 338].

Tuy nhiên, giá trị của IDS trong việc thúc đẩy quá trình học nói của trẻ không chỉ nhờ ở khả năng tập trung chú ý, tạo cảm xúc và sự kết nối tích cực đối với trẻ. Các phẩm chất ngôn ngữ học của IDS cũng là một tác nhân quan trọng trong tiến trình đó. Việc cường điệu các yếu tố của âm thanh ngôn ngữ và chậm hoá về tốc độ trong IDS có tác dụng hỗ trợ cho trẻ trong việc xác định các ranh giới ngữ âm và phân xuất từ. Với từ ngữ, khi được nhắc đi nhắc lại thông qua IDS, trẻ sẽ bắt đầu sáng tạo ra các biểu tượng tâm lí cho mỗi từ. Kết quả là, khi được yêu cầu nhắc lại thì những đứa trẻ có trải nghiệm với IDS có khả năng nhắc từ tốt hơn [6, tr. 660-662]. Ngoài ra, sự phối hợp của các tín hiệu thị giác như cử chỉ điệu bộ, nét mặt trong IDS cũng có giá trị cung cấp thông tin bổ trợ để giúp trẻ nhận hiểu ngữ nghĩa lời nói, cho phép trẻ phân biệt lời nói chính xác hơn, nhất là trong điều kiện thính giác của trẻ chưa hoàn thiện hoặc trong môi trường ồn ào.

Tóm lại, theo kết quả của nhiều nghiên cứu thì việc sử dụng IDS – dạng thức ngôn ngữ phi chuẩn - trong giao tiếp với trẻ em hoàn toàn không phải là một sự "nuông chiều" sai lầm như nhiều người quan niệm. IDS có tác dụng kích thích tiến trình thụ đắc ngôn ngữ ở trẻ. Ngay cả khi người nuôi dưỡng sử dụng các âm bập bẹ vô nghĩa về mặt logic để giao tiếp thì nó cũng có tác dụng hình thành cho trẻ nhận thức về tính tương tác hai chiều của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ cũng như tầm quan trọng của việc phản hồi lời nói.

2.3. IDS và các vấn đề trong nghiên cứu hoạt động ngôn ngữ ở trẻ nói tiếng Việt

Từ những mô tả trên về IDS, soi chiếu vào tiếng Việt, bước đầu có thể thấy IDS rõ ràng có tồn tại trong hoạt động giao tiếp của người nuôi dưỡng với trẻ em, nhất là trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ và những năm đầu giai đoạn ngôn ngữ. Các kiểu nói có biến điệu ngữ âm như cao giọng, vuốt dài nguyên âm, chậm tốc độ hay việc đặt tên gọi khác cho sự vật hiện tượng (*bú* gọi là *ti, ăn uống* gọi là *măm, nằm xuống* gọi là *ình,* bộ phận sinh dục ngoài của bé nữ là *bèo,* bộ phận sinh dục ngoài của bé nam là *chim,* đại tiện là *ị, xi bô,* tiểu tiện là *xi bô, tè, ...*), việc phát âm theo cách của trẻ (cục cưng – "tục tưng", thương – "xương"), sử dụng câu nói ngắn tỉnh lược các hư từ…, thậm chí là cả những "u ơ" vô nghĩa hiện diện khá phổ biến khi người lớn tương tác bằng lời với trẻ. Ngoài ra, khi giao tiếp với trẻ em, sự khuếch đại trong cử động của môi, đầu hoặc sử dụng tên riêng (*Su, Na, Bin, Sơ ry,...*) thay cho các đại từ (*em, con, cháu*) cũng là những đặc điểm thường thấy trong ngôn ngữ của người lớn. Tuy nhiên, đối với hiện tượng ngôn ngữ này trong tiếng Việt, quan điểm của các bậc nuôi dưỡng, các nhà giáo dục hiện đang tồn tại nhiều ý kiến khác biệt. Theo khảo sát ban đầu, chúng tôi nhận thấy, có một bộ phận không nhỏ những người nuôi dưỡng trẻ trên thực tế đã sử dụng dạng thức ngôn ngữ nói trên một cách không tự giác, cơ bản chịu sự chi phối, dẫn dắt của cảm xúc (IDS thường được dùng nhiều hơn khi nựng nịu trẻ, và đặc biệt là, biểu hiện của IDS trong tiếng Việt rõ ràng và tự nhiên hơn khi người lớn trò chuyện với trẻ ở hình thức gián tiếp như qua điện thoại, chat voice – những hoàn cảnh giao tiếp chủ yếu để truyền tải thông tin về tình cảm). Trong khi đó, một số người khác lại cho rằng một môi trường ngôn ngữ ưu việt cho trẻ luôn phải đảm bảo tính chuẩn mực, hơn nữa, hoạt động *sửa sai* luôn phải được thực hiện một cách triệt để và nghiêm khắc. Theo khuynh hướng này thì vấn đề sử dụng ngôn ngữ phi chuẩn là một sự tuỳ tiện rất cần được khắc phục để tránh các tác động tiêu cực đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, nhất là ở phương diện từ vựng và ngữ pháp. Đây cũng chính là quan điểm phổ biến trong giáo dục ngôn ngữ ở nhà trường mầm non hiện nay, với một xác tín rằng ở bất kì giai đoạn phát triển nào của trẻ, việc dạy ngôn ngữ đều cần được thiết lập theo cơ chế *cung cấp, sửa sai* và *chuẩn hoá.* Điểm đáng nói là, tất cả những cách nhìn nhận, ứng xử nói trên về IDS đều mang tính kinh nghiệm. Xét về mặt khoa học, tác động của IDS đến sự phát triển ngôn ngữ nói riêng và sự phát triển toàn diện của trẻ em nói chung đối với trường hợp trẻ nói tiếng Việt hầu như chưa được xác thực, khẳng định bởi những nghiên cứu thực nghiệm cụ thể và toàn diện. Chính điều này làm cho giáo dục mầm non tỏ ra thiếu chủ động trong kiểm soát và điều khiển quá trình dạy nói cho trẻ. Trên thực tế thì tiến trình thụ đắc ngôn ngữ tự nhiên của một người nói tiếng Việt ở giai đoạn trẻ nhỏ là vô cùng đa dạng từ mẫu tiếp xúc cho đến phương cách học tiếng, trong đó, xuất phát từ bản chất siêu phương ngữ của chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt nên hầu như không có một trẻ nào có thể thực sự được "tắm mình trong môi trường ngôn ngữ chuẩn mực". Không những thế, vì các mục đích thúc đẩy tương tác và biểu lộ tình cảm, nhiều bậc phụ huynh đã biến điệu lời nói thông thường, trong đó khá phổ biến là khuynh hướng sử dụng kiểu lời nói "đớt, ngọng", "nói như trẻ con"

trong giao tiếp với trẻ như đã đề cập ở trên. Trong tình hình đó, rõ ràng là, lời giải cho các câu hỏi căn bản như: *Việc giao tiếp bằng loại ngôn ngữ phi chuẩn mực có phải là tác nhân cản trở tiến trình thụ đắc tiếng mẹ đẻ của trẻ hay không? Những biến cải trên nhiều phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, kể cả cách nói "theo kiểu trẻ con" khi giao tiếp với trẻ như nhiều người vẫn thường sử dụng là đáng khích lệ hay cần thiết phải loại bỏ?* sẽ có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc hoạch định nội dung và cách thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đặc biệt, với các công bố về IDS ở nhiều ngôn ngữ khác nhau như đã phân tích ở trên thì vấn đề vai trò của IDS đối với sự phát triển tiếng mẹ đẻ của trẻ nói tiếng Việt lại càng cần phải được xem xét lại dựa trên các cứ liệu khoa học. Cần thiết phải có những nghiên cứu cụ thể về IDS, nhất là các nghiên cứu thực nghiệm đối sánh giữa các trẻ thường xuyên được tương tác bằng IDS và trẻ được nuôi dưỡng trong môi trường ngôn ngữ nghiêm khắc và chuẩn mực để có thể đánh giá chính xác tác động của IDS đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, cung cấp những định hướng cơ bản cho việc xác định nội dung và phương pháp tương tác lời nói, thúc đẩy tiến trình thụ đắc ngôn ngữ ở trẻ em.

3. Kết luận

Sự quan tâm của nhiều nhà khoa học cùng với các kết quả nghiên cứu được công bố về IDS cho thấy vai trò và ý nghĩa của dạng thức ngôn ngữ này đối với sự phát triển tiếng mẹ đẻ của trẻ, đồng thời, đó cũng là một sự khẳng định về tầm quan trọng của việc giáo dục ngôn ngữ trong những năm đầu đời cho trẻ em. Để giúp trẻ có thể tự tin bước vào đời sống xã hội và thành công trong các hoạt động giao tiếp, học tập ở giai đoạn tiếp theo thì Giáo dục Mầm non, đặc biệt là các hoạt động giáo dục ở nhà trẻ, cần quan tâm hơn nữa đến nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ, trong đó, các chiến lược và nội dung giáo dục cần phải được hoạch định không chỉ dựa theo kinh nghiệm mà phải được kiểm chứng bởi các chứng liệu khoa học chính xác và đáng tin cậy.

Tài liệu tham khảo

[1] Huei-Mei Liu, Feng-Ming Tsao, Patrica K. Kuhl (2007), "Acoustic Analysis of Lexical Tone in Mandarin Infant – Directed Speech", Developmental Psychology, Vol.43, No.4, 912 – 917.

[2] Weiyi Ma, Roberta Michnick Golinkoff, Derek Houston, Kathy Hirsh-Pasek (2011), "Word Learning in Infant – and Adult-Directed speech", Language Learning and Development, 7, 209 – 225.

[3] Jordan R. Green, Ignatius S. B. Nip, Erin M. Wilson, Antje S. Mefferd, Yana junusova (2010), "Lip Movement Exaggerations During Infant – directed speech", Journal of Speech, Language & Hearing Research, 53 (6), 1529 – 1542.

[4] Gregory A. Bryant, H.Clark Barett (2007), "Recognizing intentions in infant – directed speech: Evidence for universals", Psychological Science, 18(8), 746-751.

[5] Leher Singh, Catherine Best, Jame Morgan (2003), "Infants' Listening Preference: Baby Talk or Happy Talk?", Infancy, 3 (3), 365 – 395.

[6] Leher Singh, Sarah Nestor, Chandni Parikh and Ashley Yull (2009), "Influences of Infant – Directed Speech on Early word Recognition", Infancy, 14 (6), 654 – 666.

"INFANT-DIRECTED SPEECH" AND CHILD LANGUAGE DEVELOPMENT

Abstract: In Vietnam, due to a lack of specific evaluation researches, there still remain several contradictory opinions on the impact of Infant - directed speech (IDS) - a non- standard form of language - on the infant's process of language acquisition. To provide educators and childcare workers with some initial orientations for considering the role of IDS in communicating with children, this paper presents an overview of the results of IDS studies conducted outside Vietnam, and then applies them into the Vietnamese language to determine basic approaches for evaluating the significance of IDS to child language development, thereby contributing scientific data to the development of the contents and methods for teaching language to children.

Key words: infant-directed speech; children; non- standard form of language; role; language development.